TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/DS-PT
Ngày 07 tháng 01 năm 2026
V/v: *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Mai Nam Tiến

Bà Lê Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2025/TLPT-DS ngày 17/11/2025 về *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thanh Hóa bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 153/2025/QĐXXPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị X, sinh năm 1954.

Nơi cư trú: Số nhà 228, V1 2, Phường Q, thành phố Thanh Hóa (nay là phường Q1), tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1948.

Nơi cư trú: Số nhà 222, V1 2, Phường Q, thành phố Thanh Hóa (nay là phường Q1), tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị T:

Bà Nguyễn Thu Huệ - Luật sư, Công ty Luật TNHH Lê Phượng Hoàng, Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Địa chỉ: Đại lộ Võ Nguyên Giáp, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:**

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1946 (chồng bà T); nơi cư trú: Số nhà 222, phố V1 2, phường Q1, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1974; chị Vũ Thị Thạch, sinh năm 1976 (con bà T); Cùng cư trú tại: Số nhà 222, phố V1 2, phường Q1, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

3. Chị Lê Thị Y, sinh năm 1977 (con bà T); nơi cư trú: Số nhà 224, phố V1 2, phường Q1, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn R, sinh 1978; chị Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1979 (con bà T); nơi cư trú: Số nhà 226, phố V1 2, phường Q1, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

5. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; chị Lưu Thị Phương, sinh năm1980 (con bà T); nơi cư trú: Số nhà 224, phố V1 2, phường Q1, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn N; chị Vũ Thị Thạch; chị Lê Thị Y; anh Nguyễn Văn R; chị Nguyễn Thị Dung; anh Nguyễn Văn H và chị Lưu Thị Phương là anh Nguyễn Văn P, trú tại số nhà 222, phố V1 2, phường Q1, tỉnh Thanh Hóa (văn bản ủy quyền ngày 26 và 30/11/2021)

6. Anh Hoàng Đ, sinh năm 1974; chị Vũ Thị Hương, sinh năm 1979 (chị Hương vợ anh Đạt); cùng cư trú tại: thôn Vạch, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai; vắng mặt..

7. Ông Trần Công Xuyến, sinh năm 1955 (chồng bà X đã chết năm 2022). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Xuyến gồm:

Bà Lê Thị X, sinh năm 1954 (vợ ông Xuyến); anh Trần Văn Khánh, sinh năm 1978; anh Trần Văn Khang, sinh năm 1983, cùng địa chỉ: số nhà 228, phố V1 2, phường Q1, tỉnh Thanh Hóa; chị Trần Thị Khải, sinh năm 1980, địa chỉ: số nhà 14/220 đường Nguyễn Phục, phố V1 2, phường Q1, tỉnh Thanh Hóa (con ông Xuyến).

***- Người làm chứng*:**

1. Ông Phạm H; nơi cư trú: khu phố 3, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Ông Trịnh B; nơi cư trú: khu phố 4, xã Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn K; nơi cư trú: SN 05/04 đường 17, khu đô thị Sông Hạc, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

4. Ông Đỗ D; nơi cư trú: số nhà 03/08/30 phố Nguyễn Đình Phục, phường Q1, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

5. Ông Phạm T; nơi cư trú: số nhà 25 phố Phù Lưu, phường Q1, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt..

6. Ông Lê C (Lê Hữu Chủ); nơi cư trú: số nhà 42 đường Đỗ Đại, phường phường Q1, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị X, bị đơn bà Lê Thị T.

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

∗ Theo đơn khởi kiện ngày 10/04/2020, bản tự khai ngày 27/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị X trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Lê V và cụ Lê N, các cụ có 02 người con chung gồm: bà Lê Thị T và bà Lê Thị X. Năm 1972 cụ Lê V chết, năm 1990 cụ Lê N chết, các cụ không để lại di chúc.

Di sản của các cụ gồm có 01 mảnh đất thổ cư với diện tích 772,0 m^2 tại phố 2, phường Q, thành phố Thanh Hóa, nay là phường Q1, tỉnh Thanh Hóa, thuộc thửa số 502, tờ bản đồ số 02, đo vẽ năm 1994 (tương ứng với thửa 327, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299 đo vẽ năm 1983).

Sau khi cụ V chết, cụ N cùng 02 người con sống ổn định trên thửa đất này. Năm 1974, bà X đi bộ đội tại chiến trường Trường Sơn, đến năm 1977 phục viên và lấy chồng về tỉnh Thái Bình sống. Năm 1985 do sức khỏe của cụ N yếu, vợ chồng bà X từ Thái Bình về Thanh Hóa xây dựng 01 nhà cấp 4 diện tích 110 m^2 trên đất của bố mẹ để ở, và cùng chị gái là bà T tiện chăm sóc mẹ già.

Khi cụ N chết, gia đình bà và gia đình bà T vẫn ở trên thửa đất của bố mẹ để lại, khoảng vài năm sau, kể từ khi mẹ bà mất, lợi dụng sai sót trong hồ sơ địa chính 1983 ghi tên chủ sử dụng đất bà Lê Thị T (vì trước đây kiêng gọi tên tục nên phải ghi tên con trưởng), nên bà T đã làm giả giấy mua bán đất để tranh chấp đất với bà.

Năm 1997, giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình bà với gia đình bà Lê Thị T, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Thanh Hóa đã ra thông báo số 942-QLĐT/UBTP ngày 19/11/1997 về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai giữa gia đình bà với hộ gia đình bà T, theo đó, kết luận nguồn gốc đất đang có tranh chấp giữa hộ bà X và hộ bà T là đất thổ cư do bố mẹ để lại nhưng không có giấy tờ sử dụng đất, yêu cầu giữ nguyên hiện trạng. Tại Biên bản giải quyết tranh chấp đất đai ngày 11/9/1997 của UBND xã Q, bà T đã thừa nhận tài sản là của bố mẹ để lại, vì hoàn cảnh gia đình bà X khó khăn bà T chỉ cho ở nhờ chứ không cho mượn, mua bán.

Đến năm 2017, thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Phục, phường Đông Vệ và Q thành phố Thanh Hóa, ngày 19/12/2017, UBND thành phố Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 12476/QĐ-UBND thu hồi của hộ bà Lê Thị X 64,3 m^2 đất và thu hồi của hộ bà Lê Thị T 257,8 m^2 đất và đã bồi thường cho hộ bà Lê Thị T 02 lô đất tái định cư tại MBQH số 1484 XD/UB-QLĐT gồm lô 39 và lô 51, đã bồi thường cho bà Lê Thị X 01 lô đất tái định cư tại MBQH số 5226 XD/UB – QLĐT, địa chỉ lô đất (phường Q cũ).

Vì bà T muốn được sử dụng cả 03 lô đất nêu trên, nên ngày 10/04/2020 bà Lê Thị X có đơn khởi kiện đến Tòa án đề nghị giải quyết:

(1) Công nhận diện tích thửa đất số 327, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299 lập năm 1983, tương ứng với thửa đất số 502, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã Q đo vẽ năm 1994, nay là phường Q1, tỉnh Thanh Hóa là di sản thừa kế của cụ Lê V và cụ Lê N để lại.

(2) Phân chia toàn bộ phần diện tích đất còn lại tại thửa đất số 327, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299 lập năm 1983, tương ứng thửa đất số 502, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính Q đo vẽ năm 1994 và 03 lô đất tái định cư nêu trên theo pháp luật.

** Ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn và nội dung phản tố, trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị T trình bày:*

Cụ Lê V và cụ Lê N lúc sinh thời các cụ có với nhau 02 người con là bà và bà Lê Thị X. Năm 1972 bố bà là cụ V chết, năm 1990 mẹ bà là cụ N chết. Cả 02 cụ đều không có di chúc hoặc chúc thư để dặn dò con cái. Di sản của các cụ khi chết không có gì. Trước đây cụ V và cụ N ở với ông bà nội tại làng V1, thuộc phố 03, phường Q, khi đó chị em bà được sinh ra và lớn lên tại tại nhà đất này (cách thửa đất đang tranh chấp hiện nay khoảng 01km), lúc bây giờ hoàn cảnh gia đình bố mẹ bà rất nghèo và sau này cũng thế. Diện tích đất hiện nay bà X đang yêu cầu chia thừa kế không phải của bố mẹ các bà, mà do bà mua của cụ Phạm Văn Thăn năm 1964 với giá 140 đồng. Năm 1994 thấy hoàn cảnh gia đình bà X khó khăn, bà đồng ý cho bà X ở nhờ 02 gian nhà tranh, đến năm 1995 chính thức vợ chồng bà X chuyển vào Thanh Hóa để ở trên lô đất này. Năm 1997 xảy ra tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình bà X và gia đình bà.

Ngày 19/11/1997, Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa đã có Thông báo số 942-QLĐT/UBTP về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai giữa bà Lê Thị X và bà. Theo đó: (1) Giao cho UBND xã Q thành phố Thanh Hóa thu hồi 112 m^2 đất do bà Lê Thị T lấn chiếm đất thừa so với bản đồ địa chính 299 để giao cho UBND xã Q quản lý. (2) Bà Lê Thị T và bà Lê Thị X cùng ở trên đất của bố mẹ để lại đều chưa có giấy tờ sử dụng đất, yêu cầu giữ nguyên hiện trạng diện tích của 02 gia đình đang sử dụng như Biên bản kiểm tra ngày 11/9/1997. Khi thực hiện Nghị định 60/CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ sẽ được xem xét xử lý theo quy định. Việc tranh chấp quyền thừa kế đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. (3) UBND thành phố giao cho UBND xã Q phối hợp với các Ban, Phòng chức năng của thành phố triển khai thực hiện.

Biên bản ngày 11/09/1997, bà không thừa nhận nội dung bà đã trình bày là tài sản đang tranh chấp là do bố mẹ bà để lại, vì ngày 10/09/1997 bà đã có đơn đề nghị UBND xã Q và Ban chỉ huy xóm 02 với nội dung nhà đất của bà chứ không phải của cụ V và cụ N. Nội dung trong biên bản nêu trên là do cán bộ ghi theo ý chủ quan, không theo trình tự và không được thông qua dẫn đến sai sót cả về họ của ông Phạm T, bà T đã có đơn yêu cầu bà X cung cấp (bản gốc Biên bản ngày 11/09/1997 để trưng cầu giám định). Nay bà Lê Thị X có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê V và cụ Lê N bà không đồng ý, vì trước khi chết bố mẹ bà không có di sản để lại, nhà đất đang tranh chấp là của bà mua của cụ Phạm Văn Thăn.

Về việc mua đất: Năm 1964, bà đã mua nhà đất của gia đình cụ Phạm Văn Thăn tại xóm Lợi, làng V1, xã Q, tổng diện tích 1390m^2 đất, với giá 140 đồng (một trăm bốn mươi đồng), nguồn tiền là do bà vay của ông Lê Hữu Xón 46 đồng, của ông Lê Hữu Mài 54 đồng và của bà Nguyễn Thị Nhâm 40 đồng, những người này đều có địa chỉ xóm 02, Q, thành phố Thanh Hóa. Năm 1965 bà làm 02 gian nhà

tranh tre, đến năm 1967 bà đưa cụ V và cụ N về đó ở vì cụ V lúc bây giờ ốm yếu. Nhà đất của cụ V cụ N (ở xóm 2) bỏ hoang do đó mỗi nhà lấn một ít, sau này còn một ít sân gia đình ông Hà Xón sử dụng. Đến năm 1969 bà lấy ông Nguyễn Văn N, vợ chồng bà cùng chung sống tại nhà đất bà đã mua của gia đình cụ Phạm Văn Thăn.

Ngày 14/07/2006, UBND thành phố Thanh Hóa đã có Quyết định số 2020/QĐ-UB về việc thu hồi một phần diện tích (573,4 m^2) đất của gia đình bà để thực hiện xây dựng vườn ươm, nuôi cấy mô thực vật. Do việc bồi thường không hợp lý, bà đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa và khiếu nại tiếp theo.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 3360/QĐ-UBND ngày 05/11/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị T xóm 2, thôn V1, xã Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, sau khi thẩm tra, xác minh và đã kết luận: về nguồn gốc và hiện trạng đất của gia đình bà T: "Lô đất của gia đình bà T là đất mua của gia đình ông Thăn từ năm 1964. Hiện nay gia đình bà T vẫn sử dụng nguyên trạng trên diện tích 640 m^2 đất vườn trồng các loại cây tre, cau và rau". Ngoài thửa đất trên bà T còn có đất ở tại thửa đất số 502, diện tích 730m^2.

Năm 2017, thực hiện dự án cải tạo nâng cấp đường Nguyễn Phục, phường Q, ngày 19/12/2017, UBND thành phố Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 12476/QĐ-UBND về việc thu hồi tổng diện tích 322,1m^2 đất (trong đó có 257,8m^2 đất là phần của bà T đang sử dụng và 64,3m^2 đất là của bà Lê Thị X đang sử dụng), tại Quyết định nêu trên có ghi (đất bố mẹ để lại), vì xác định không đúng nguồn gốc đất, ngày 29/01/2018, UBND thành phố Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 932/QĐ-UBND thu hồi của bà Lê Thị T diện tích 257,8m^2 đất (theo hiện trạng) và Quyết định số 933/QĐ-UBND thu hồi của bà Lê Thị X diện tích 64,3m^2 đất (theo hiện trạng) và đã cấp đền bù tái định cư cho bà Lê Thị T 02 lô đất, cho bà Lê Thị X 01 lô đất tại phường (Q cũ). Đối với 02 lô đất cấp tái định cư cho bà Lê Thị T năm 2019 bà T đã chuyển nhượng cho anh Hoàng Đ và chị Vũ Thị Hương với giá 1.700.000.000đ.

Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu phản tố bà T giao nộp cho Tòa án gồm: (1) sổ mục kê, tờ bản đồ 299 lập năm 1983, tên chủ hộ sử dụng đất bà Lê Thị T diện tích đất là 660m^2. (2) Giấy xác nhận ngày 29/11/2005 của cụ Phạm Văn Thăn xác nhận: năm 1964 cụ Thăn đã bán 1.390 m^2 đất tại xóm 2, thôn V1, xã Q thị xã Thanh Hóa cho bà Lê Thị T. (3) Giấy xác nhận ngày 29/11/2005 của ông Phạm Văn Thấu, con của cụ Thăn đã xác nhận năm 1964 cụ Phạm Văn Thăn đã bán 1390 m^2 đất với giá 140 đồng cho gia đình bà Lê Thị T, bà T là người trực tiếp giao tiền cho cụ Thăn và ông Thấu là người nhận giúp. (4) Vi bằng lập ngày 10/3/2020 bà Nguyễn Thị Nhâm là người trực tiếp cho bà T vay 40 đồng năm 1964 để mua đất của nhà cụ Phạm Văn Thăn. (5) Bản sao Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 05/11/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T về thu hồi đất thực hiện dự án (Trung tâm cấy mô) trong đó xác định

nguồn gốc đất bà Lê Thị T mua của cụ Thăn năm 1964 và đất ở tại thửa đất số 502, diện tích 730m^2.

** Đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn P trình bày:*

Về quan hệ giữa anh Nguyễn Văn P với bà Lê Thị T là mẹ đẻ và con trai, đối với bà Lê Thị X là em ruột của bà T. Theo anh P được biết bà Lê Thị X có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế đối với diện tích 772m^2 đất tại phố 2, phường Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, thuộc thửa số 502, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đo vẽ năm 1994, tương ứng với thửa 327, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299 đo vẽ năm 1983.

Về nguồn gốc đất nêu trên là của mẹ anh bà Lê Thị T mua của cụ Phạm Văn Thăn năm 1964.

Năm 1994, bà T đồng ý cho bà X ở nhờ 02 gian nhà tranh, đến năm 1995 gia đình bà X chuyển vào Thanh Hóa ở đến nay. Năm 1997 xảy ra tranh chấp đất đai chưa được giải quyết dứt điểm. Diện tích đất còn lại bà T đã chia cho các con thành khuôn viên làm nhà ở ổn định. Năm 2017 Nhà nước thu hồi tổng diện tích 322,1 m^2 (trong đó có 257,8 m^2 đất là phần mẹ con anh đang sử dụng và 64,3 m^2 là bà Lê Thị X sử dụng) và đã cấp tái định cư cho hộ bà X 01 lô, cho hộ bà T 02 lô (hiện tại bà T đã bán).

Nay bà Lê Thị X có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là (quyền sử dụng đất), nhưng không chứng minh được di sản của ông, bà ngoại của anh có những gì, lô đất bà X khởi kiện hiện nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh xác định toàn bộ diện tích đất nêu trên là của bà Lê Thị T mua lại của cụ Phạm Văn Thăn, hiện tại đất đang có tranh chấp nên đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp, chứng cứ Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị T phải trích công sức cho các con của bà T mà giữ nguyên hiện trạng.

** Lời khai của ông Nguyễn Văn N, chị Vũ Thị Thạc, chị Lê Thị Y, anh Nguyễn Văn R, chị Nguyễn Thị Dung, anh Nguyễn Văn H và chị Lưu Thị Phương:* Thống nhất như nội dung anh Nguyễn Văn P đã trình bày.

** Đại diện người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Công Xuyến, anh Trần Văn Khang trình bày:*

Bố mẹ của anh được bà ngoại là cụ Lê N cho một phần diện tích đất tại số nhà 228 đường Nguyễn Phục, phường Q, thành phố Thanh Hóa từ khoảng năm 1985, và sau đó bố mẹ anh đã xây nhà ở ổn định từ đó cho đến nay. Tất cả anh chị em của anh đều được sinh sống tại đây. Nay anh khẳng định toàn bộ nhà trên đất là do bố mẹ anh xây dựng và các con của bà X không đóng góp gì. Năm 2022 ông Trần Công Xuyến chết, với tư cách là người đại diện người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

** Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Đ và chị Vũ Thị Hương trình bày:*

Quan hệ giữa vợ chồng anh Đạt, chị Hương với gia đình bà T chỉ quen biết nhau. Năm 2019 do được biết gia đình bà Lê Thị T có nhu cầu bán 02 lô đất tái định cư tại MBQH số 1484 XD/UB-QLĐT gồm: lô 39 và lô 51, tại phường Q, diện tích mỗi lô là 100m^2, giá chuyển nhượng 1.700.000.000đ, vợ chồng anh đã giao cho gia đình bà T 1.540.000.000đ, số tiền còn lại 160.000.000đ hai bên thỏa thuận khi nào làm xong thủ tục cấp giấy CNQSD đất sang tên vợ chồng anh chị, thì anh chị có trách nhiệm thanh toán số tiền còn lại cho gia đình bà Lê Thị T.

Nay xảy ra tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế và tranh chấp đất đai giữa bà Lê Thị X với bà Lê Thị T, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Lê Thị T anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

* Bản án sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa (nay là Tòa án khu vực 1-Thanh Hóa) áp dụng khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 200; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990, Điều 115; Điều 610; 611; 612; 613; 614, khoản 1 Điều 623; Điều 649; 650 và 651 của Bộ luật dân sự (BLDS), điểm đ khoản 1 Điều 179 của Luật Đất đai, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1; điểm a khoản 7 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc "Yêu cầu chia di sản thừa kế". Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc "Đòi lại tài sản".

Xác định toàn bộ diện tích đất của gia đình bà Lê Thị X và của gia đình bà Lê Thị T đang quả lý sử dụng tại thửa đất số 327, tờ bản đồ số 02, lập năm 1983 (nay là thửa đất số 502, tờ bản đồ số 02, đo vẽ năm 1994) và 98,4859% phần giá trị 02 lô đất tái định cư số 39, 51, tại MBQH 1484 và 49,1262% phần giá trị lô đất tái định cư số 10 L1, tại MBQH 5226, địa chỉ: phường Q, thành phố Thanh Hóa là di sản thừa kế của cụ Lê V và cụ Lê N để lại, có tổng trị giá là 16.127.311.364 đồng.

Chia cho bà Lê Thị X được hưởng 35% giá trị di sản thừa kế, tương đương 5.644.558.977đ và chia cho bà Lê Thị T được hưởng 65% giá trị di sản thừa kế, tương đương 10.482.752.386đ cụ thể như sau:

Bà Lê Thị X được quyền sử dụng diện tích 48,1m^2 (hiện đang quản lý sử dụng), tại thửa đất số 502, tờ bản đồ số 02, đo vẽ năm 1994 thuộc phường Q, thành phố Thanh Hóa và 01 lô đất tái định cư số 10L1 tại MBQH 5226 thuộc phường Q, thành phố Thanh Hóa (trong đó có 49,1262% giá trị lô đất là di sản thừa kế và 50,8738% phần trị giá lô đất 10L1 mà bà Lê Thị X phải nộp thêm tiền khi nhận đất tái định cư).

Bà Lê Thị T được quyền sử dụng diện tích đất 276m^2, tại thửa đất số 502, tờ bản đồ số 02, đo vẽ năm 1994 thuộc phường Q, thành phố Thanh Hóa mà hiện nay bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn N cùng các con đang quản lý sử dụng và 02 lô đất tái định cư số 39, 51, tại MBQH 1484 thuộc phường Q, thành phố Thanh Hóa (trong đó có 98,4859% giá trị của 02 lô đất là di sản thừa kế và 1,5154%

phần giá trị của 02 lô đất số 39, 51 mà bà Lê Thị T phải nộp thêm khi nhận đất tái định cư).

Buộc bà Lê Thị T phải giao lại tiền chênh lệch chia di sản thừa kế cho bà Lê Thị X là 2.799.317.613đ (hai tỷ, bảy trăm chín chín triệu, ba trăm mười bảy ngàn, sáu trăm mười ba đồng).

Bà Lê Thị X được nhận tiền chênh lệch chia di sản thừa kế do bà Lê Thị T giao lại là 2.799.317.613đ (hai tỷ, bảy trăm chín chín triệu, ba trăm mười bảy ngàn, sáu trăm mười ba đồng).

Ngày 30/8/2023, bà Lê Thị X có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chia đều quyền sử dụng đất cho mỗi người hưởng 50% giá trị di sản thừa kế và hưởng bằng đất.

Ngày 03/10/2023, bà Lê Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ đối với bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa và đề nghị xét lại các nội dung gồm.

Yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm làm rõ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở đánh giá toàn diện chứng cứ của các bên cung cấp, chứng cứ do Tòa án thu thập để xác định nguyên đơn bà Lê Thị X khởi kiện chia di sản thừa kế là "Quyền sử dụng đất" có căn cứ không.

Ngày 03/10/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P có đơn kháng cáo với nội dung.

Quá trình giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm nêu trên việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa thực hiện đầy đủ, một số nội dung không theo đúng với quy định tại Chương VII của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm số 37/2024/DSPT ngày 26/03/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã Quyết định:

Căn cứ: khoản 3 Điều 308; Điều 310; khoản 3 Điều 148 của BLTTDS; khoản 3 Điều 29; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2023/DS-ST ngày 19/9/2023, của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm. Án phí dân sự phúc thẩm, các đương sự có kháng cáo không phải chịu.

* Sau khi Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm. Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã tiến hành thu thập thêm các tài liệu chứng cứ gồm: Biên bản (gốc) ngày 11/9/1997, và lời khai của những người làm chứng: ông Phạm H, ông Trịnh B, ông Nguyễn K, ông Đỗ D, ông Phạm T và ông Lê C với các nội dung sau:

- Ông Phạm H trình bày: Ông là người viết giấy xác nhận ngày 29/11/2005, tại thời điểm đó là bà T đến nhà yêu cầu bố ông xác nhận đã bán toàn bộ lô đất thổ cư diện tích 1390 m^2, tại thôn 2, V1, xã Q cho bà Lê Thị T.

Do bố ông già yếu nên bố ông đã nhờ ông viết giấy xác nhận ngày 29/11/2005, nội dung là do (cụ Thăn đọc cho ông viết lại). Khi viết giấy xác nhận thì có viết tên bố ông là (Phạm Văn Thấu) vì ở địa phương thường hay gọi

tên bố là tên con trai cả là (ông Thấu). Sau khi viết xong thì ông đã phát hiện ra là ông viết sai tên của bố ông theo tên của anh trai ông là (anh Thấu) nên ông đã sửa lại thành tên (Thăn) cho đúng tên của bố ông. Chữ ký là đúng của bố ông. Sau khi viết xong ông đã mang đến ông Trịnh B xác nhận tại Công an thị trấn Yên Cát.

Đối với đơn xin rút làm chứng ngày 03/11/2021, lý do là vì ông bận công việc và đường xa phương tiện đi lại khó khăn mỗi lần Tòa án triệu tập. Ông không nhớ ai là người đánh máy đơn xin rút làm chứng nhưng nội dung trong đơn đúng trình bày và chữ ký của ông, ông cũng không nhớ là ông có đến UBND thị trấn xin xác nhận giấy này hay không và cũng không mang giấy này ra Bưu điện để gửi cho Tòa án và Viện kiểm sát thành phố Thanh Hóa, ai gửi ông không biết, chữ viết bên ngoài phong bì cũng không phải là chữ của ông.

- Ông Trịnh B trình bày: Vào thời điểm năm 2005 ông giữ chức Trưởng Công an thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân và có xác nhận vào giấy xác nhận ghi ngày 29/11/2005 của ông Phạm Văn Thấu chứ không phải của ông Phạm Văn Thăn.

Đối với giấy xác nhận ngày 03/11/2021, ông không đánh máy và cũng không viết bất kỳ một giấy xác nhận nào để gửi cho Tòa án hay Viện kiểm sát thành phố Thanh Hóa và cũng không nhờ ông Phạm H gửi, hiện nay ông cũng không nhớ có ký vào giấy hay không và cũng không đến UBND để xin xác nhận hay chứng thực vào giấy, đề nghị Tòa án cung cấp bản gốc để xác định.

- Ông Nguyễn K trình bày: Năm 1997 ông là chuyên viên phòng Thanh tra đô thị thành phố Thanh Hóa, ngày 11/9/1997 ông là người viết Biên bản giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ bà Lê Thị X và hộ bà Lê Thị T. Theo các đương sự báo cáo là đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của bố mẹ để lại, nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh.

Về mục I của Biên bản giải quyết tranh chấp đất đai ngày 11/9/1997, có ghi nguồn gốc lô đất hộ bà X, hộ bà T đang tranh chấp là của bố mẹ để lại. Nội dung của mục I này là ông căn cứ vào đơn của bà X, bà T để viết lại thể hiện việc đang có tranh đất chấp giữa bà X và bà T.

Trong biên bản phần ý kiến của bà T có nội dung (khi bố mẹ qua đời, bà T là con gái tiếp thu tài sản của bố mẹ để lại, hằng năm làm đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, hoàn cảnh bà X khó khăn bà cho ở nhờ chứ không cho mượn và không bán). Bà T khiếu nại nội dung này ông không đồng ý. vì biên bản lập xong có thông qua nội dung không ai có ý kiến gì mới ký tên.

Biên bản ngày 11/9/1997, không giải quyết về nội dung chia đất hay tranh chấp, biên bản chỉ yêu cầu giữ nguyên hiện trạng chờ cấp có thẩm quyền giải quyết, trong biên bản có ghi sai họ của ông Phạm T thành (Nguyễn Văn Tới) là do ông ghi nhầm, khi ký biên bản ông Tới không có ý kiến gì nên không sửa lại.

Ông Đỗ D trình bày: Thời điểm năm 1997 ông là Chủ tịch UBND xã Q (nay là phường Q) thành phố Thanh Hóa, ngày 11/9/1997, UBND xã Q có phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa lập biên bản giải quyết tranh chấp đất đai

của hai hộ bà X và hộ bà T, ông là Chủ tịch có tham gia. Tại cuộc họp hộ bà X và bà T không cung cấp được giấy tờ chứng minh là của bố mẹ hai bà.

Biên bản ngày 11/9/1997, có ghi nguồn gốc đất của hộ bà X và hộ bà T đang tranh chấp là của bố mẹ hai bà để lại nhưng tại thời điểm các hộ đang tranh chấp (không ai cung cấp được giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất là của bố mẹ) bà X và bà T để lại và thời điểm này theo hồ sơ lưu trữ của UBND phường Q (bản đồ 299 và 364) cũng không ghi tên của bố mẹ hai bà mà thể hiện trên bản đồ 299 và 364 chủ sử dụng đất bà Lê Thị T. Hiện nay Tòa án đang giải quyết tranh chấp đất giữa hai hộ bà X, bà T ông đề nghị Tòa án căn cứ chứng cứ các bên cung cấp giải quyết theo pháp luật.

- Ông Phạm T trình bày: Vào thời điểm 1997 ông là cán bộ địa chính xã Q, ngày 11/9/1997 ông có tham gia cuộc họp giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà X và bà T, ông Nguyễn K là cán bộ Thanh tra đô thị thuộc UBND thành phố Thanh Hóa ghi biên bản.

Hiện nay bà Lê Thị T khiếu nại về Biên bản ngày 11/9/1997 ghi không khách quan là không đúng, vì biên bản này là ghi theo ý kiến của các đương sự khai đất đang có tranh là của bố mẹ để lại.

Tại (mục I) trong biên bản chưa ghi ý kiến của những người tham gia nhưng lại ghi nguồn gốc đất của (bố mẹ bà X, bà T), vấn đề này hội nghị căn cứ vào lời khai của các đương sự, (ngoài ra không có chứng cứ nào chứng minh nguồn gốc đất là của bố mẹ bà X, bà T để lại).

Trước đó và tại thời điểm lập biên bản bà T và bà X không có giấy tờ về nguồn gốc đất của bố mẹ hai bà để cung cấp cho Đoàn công tác, chỉ có sổ mục kê 299 ghi thửa đất số 327, tờ bản đồ số 02 tên bà Lê Thị T, vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Bà T khiếu nại nội dung biên bản có ghi (khi bố mẹ qua đời bà là con gái tiếp thu toàn bộ tài sản của bố mẹ để lại), ý kiến này bà T cho rằng biên bản không khách quan và kết thúc không được đọc, được nghe là không đúng. Đối với Biên bản ngày 11/9/1997 có ghi ông Nguyễn Văn Tới cán bộ địa chính, sau khi đọc biên bản ông không để ý nên không yêu cầu sửa lại là Phạm T.

Ông Lê C (Lê Hữu Chủ) trình bày: Năm 1997 ông là Trưởng xóm 2, xã Q (nay là phường Q), nơi bà X, bà T sinh sống, ngày 11/9/1997 ông có tham gia cuộc họp giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ bà X và hộ bà T, ông được biết là hai hộ bà X, bà T không xuất trình được giấy tờ nguồn gốc đất của bố mẹ bà T, bà X. Tại buổi làm việc ông Nguyễn K ghi ý kiến của các đương sự và các thành phần tham gia, nay bà X yêu cầu chia di sản thừa kế đề nghị Tòa án căn cứ chứng cứ các bên cung cấp giải quyết theo pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều đề nghị không yêu cầu thẩm định và định giá tài sản đang tranh chấp, thống nhất giữ nguyên kết quả, thẩm định, định giá ngày 21/10/2022 cụ thể như sau:

Diện tích đất hộ gia đình bà Lê Thị X đang quản lý sử dụng tại thửa đất số 502 là: 48,1m^2, trị giá 1.250.600.000đ và lô đất được cấp tái định cư diện tích 104,71m^2, trị giá 3.246.010.000đ.

Diện tích đất hộ gia đình bà Lê Thị T được cấp tái định cư hiện nay bà T đã chuyển nhượng cho vợ chồng anh Đạt, chị Hương là (100 m^2 x2 lô) = 6.200.000.000đ và diện tích đất hộ gia đình bà T đang ở tại thửa đất số 502 là 276m^2, trong đó vợ chồng bà T đang quản lý sử dụng cùng với anh H là 110,6m^2 trị giá 2.875.600.000đ. Diện tích đất gia đình anh P đang quản lý sử dụng là 60,4m^2 trị giá 1.570.400.000đ. Diện tích đất gia đình chị Y đang quản lý sử dụng là 48m^2 trị giá 1.248.000.000đ. Diện tích đất gia đình anh R đang quản lý sử dụng là 57m^2 trị giá 1.482.000.000đ.

Tại Công văn số 5215/UBND – TNMT ngày 18/8/2023 của UBND thành phố Thanh Hóa cung cấp như sau: Đối với 02 lô đất của hộ gia đình bà Lê Thị T được cấp tái định cư gồm (lô 39 và lô 51) tại MBQH số 1484XD/UB – QLĐT, địa chỉ phường Q, thành phố Thanh Hóa, cấp có thu tiền sử dụng đất của mỗi lô phải nộp thêm là 500.000đ (cả 02 lô là 1.000.000đ), số tiền của hộ bà T được bồi thường hỗ trợ - GPMB là 984.859.000đ (tương đương với 98,4859% giá của 02 lô đất), số tiền của hộ bà T phải nộp thêm là 15.141.000đ (tương đương với 1,5154% giá trị của 02 lô đất).

Đối với lô đất cấp tái định cư cho hộ bà Lê Thị X, lô 10L1, tại MBQH số 5226 XD/UB – QLĐT, địa chỉ phường Q, thành phố Thanh Hóa cấp có thu tiền sử dụng đất là 523.550.000đ, trong đó số tiền của hộ bà X được bồi thường hỗ trợ - GPMB là 257.200.000đ (tương ứng 49,1262% giá trị lô đất), số tiền hộ gia đình bà X phải nộp thêm là 266.350.000đ (tương ứng 50,8738% giá trị lô đất được cấp).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 16/9/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 1 - Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 71; 72; khoản 4 Điều 68; 73 và khoản 3 Điều 200 Bộ luật dân sự. Điều 611; 612; 613; Điều 115, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 688, khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự. Khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Điều 26; 45 Luật Đất đai năm 2024, khoản 3; 5 điểm a khoản 7 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. **Xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về viêc: Đề nghị Tòa án công nhận diện tích thửa đất số 327, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299 lập năm 1983, tương ứng với thửa đất số 502, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã Q đo vẽ năm 1994 là di sản thừa kế của cụ Lê V và cụ Lê N.

Không chấp nhận yêu cầu chia toàn bộ phần diện tích đất còn lại là di sản thừa kế của bố mẹ tại thửa đất số 327, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299 lập năm 1983, tương ứng với thửa đất số 502, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã Q đo vẽ năm 1994 và phần bồi thường 03 lô đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc: "Đòi tài sản" tại thửa đất số 502, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính năm 1994, diện tích đất còn lại là 48,1m^2

và 49,1262% giá trị của lô đất tái định cư số 10L1, tại MBQH 5226 địa chỉ phường Q, thành phố Thanh Hóa (cũ):

(1). Buộc bà Lê Thị X và người liên quan có trách nhiệm trả cho hộ bà Lê Thị T diện tích đất còn lại (sau thu hồi) là 48,1m^2, tại thửa đất số 327, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299 lập năm 1983, tương ứng với thửa đất số 502, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã Q đo vẽ năm 1994, trị giá 1.250.600.000đ và số tiền 1.594.641.364đ, tương ứng với 49,1262% giá trị của lô đất cấp tái định cư số 10L1, tại MBQH 5226 địa chỉ phường Q (tên bà Lê Thị X).

(2). Bà Lê Thị X và người liên quan phải tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất để trả lại diện tích đất cho bà Lê Thị T.

(3). Buộc bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ có nghĩa vụ trích công sức cho hộ bà Lê Thị X số tiền là 1.594.641.364đ (một tỷ, năm trăm chín tư triệu, sáu trăm bốn mốt ngàn, ba trăm sáu tư đồng). Như vậy, số tiền này (được bù trừ vào số tiền) của bà Lê Thị X phải trả cho bà Lê Thị T.

(4). Bà Lê Thị X được quyền quản lý, sử dụng hợp pháp lô đất cấp tái định cư số 10L1, tại MBQH 5226, địa chỉ phường Q, thành phố Thanh Hóa (cũ) nay là phường Q1, tỉnh Thanh Hóa, có diện tích 104,71m^2, trị giá = 3.246.010.000đ, đứng tên bà Lê Thị X.

3. Chấp nhận yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: anh Nguyễn Văn P; chị Vũ Thị Thạch; chị Lê Thị Y; anh Nguyễn Văn R; chị Nguyễn Thị Dung; anh Nguyễn Văn H và chị Lưu Thị Phương không yêu cầu bà Lê Thị T phải trích công sức.

4. Chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Đ, chị Vũ Thị Hương không xem xét hợp đồng chuyển nhượng về 02 lô đất (39, 51) tái định cư tại MBQH số 1484 XD/UB-QLĐT tại phường Q với bà Lê Thị T.

Ngày 24/9/2025, bà Lê Thị X kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu phản tố của bà T, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia đều di sản thừa kế cho hai chị em (bà X và bà T).

Ngày 26/9/2025, bà Lê Thị T kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần trích công sức cho nguyên đơn, không chấp nhận số tiền 1.594.641.364đ trích công sức.

Ngày 14/10/2025 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành kháng nghị phúc thẩm số 859/QĐ-VKS-P9 với nội dung: Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng: Xác định toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp tại thửa 327, tờ bản đồ 02, phường Q1, tỉnh Thanh Hoá và phần 03 lô đất mà bà X và bà T được bồi thường tái định cư là di sản thừa kế của cụ V và cụ N để lại; trích công sức quản lý, duy trì, tôn tạo khối di sản thừa kế cho bà T, chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên toà phúc thẩm:

- Các đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới.

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, nguyên đơn và bị đơn không kháng cáo và không rút đơn kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung

kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: sửa bản án sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 16/9/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 1 - Thanh Hóa: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị X, sửa bản án sơ thẩm: Xác định toàn bộ thửa đất có tranh chấp là di sản thừa kế, trích công sức cho bà Lê Thị T, và chia thừa kế theo pháp luật đối với toàn bộ giá trị thửa đất còn lại và các lô đất tái định cư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của các đương sự, và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn:

[2.1] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp:

Bà X cho rằng diện tích đất bà yêu cầu chia thừa kế là của bố mẹ bà là cụ V (chết năm 1972) và cụ Nhởn (chết năm 1990). Bà T cho rằng diện tích đất bà X yêu cầu chia thừa kế là của bà mua lại của cụ Thăn. Trước đây, bố mẹ bà là cụ V và cụ Nhởn ở với ông bà nội tại làng V1, thuộc phố 3, phường Q, hai chị em bà được sinh ra tại nhà đất này, hoàn cảnh gia đình bố, mẹ bà rất nghèo, đến năm 1964, bà mua đất của cụ Phạm Văn Thăn với giá 140 đồng (thửa đất hiện nay hai chị em đang tranh chấp), nhưng không có giấy tờ mua bán đất.

[2.2] Tại thời điểm lập bản đồ 299 (năm 1984) thì cụ V đã chết, cụ N già yếu, bà T đang ở cùng với cụ N nên bà T đứng tên trong hồ sơ địa chính là phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm xác lập bản đồ. Bản đồ 299 và sổ mục kê 1983 có tên bà T chỉ thể hiện người đang sử dụng đất thực tế, hơn nữa bà T là con cả, nên ghi hộ gia đình theo tên con cả.

[2.3] Năm 1993, bà X về ở trên đất, năm 1997 bà T đã đòi bà X trả lại đất dẫn đến việc tranh chấp đất đai giữa hai bà, UBND xã Q và UBND thành phố Thanh Hóa (cũ) đã hòa giải, giải quyết nhiều lần không có kết quả. Tại biên bản giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ bà X với bà T ngày 11/9/1997 của UBND xã Q có sự tham gia của lãnh đạo chính quyền địa phương xã Q, địa chính xã Q, cán bộ phòng Quản lý đô thị và thanh tra phòng Quản lý đô thị thành phố Thanh Hóa, xóm trưởng cùng hai bên gia đình tham gia. Bà T đã thừa nhận: *"Sau khi bố mẹ qua đời tôi là con gái cả tiếp thu toàn bộ lô đất và tài sản của bố mẹ để lại. Hoàn cảnh em gái tôi là bà X rất khó khăn,*

nên tôi cho ở nhờ chứ không cho mượn và mua bán" nội dung Thông báo đã xác định toàn bộ diện tích đất gia đình bà X và gia đình bà T đang quản lý sử dụng là đất của bố mẹ để lại, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu các bên giữ nguyên hiện trạng theo sơ đồ hiện các gia đình đang sử dụng. Biên bản này có xác nhận của UBND xã Q (ông Đỗ D Chủ tịch UBND xã ký); ông Nguyễn K (thanh tra đô thị); ông Trịnh Huy Lân là cán bộ QLĐT và ông Lê C xóm trưởng ký xác nhận (bản gốc có dấu của UBND xã Q). Do đó, có căn cứ xác định tại thời điểm này bà T đã thừa nhận thửa đất đang tranh chấp nguồn gốc là của bố, mẹ là cụ V, cụ N để lại.

[2.4] Năm 2017, khi Nhà nước có chủ trương thu hồi một phần diện tích đất, thì bà X và bà T có khiếu nại tranh chấp về đất đai. Ngày 22/11/2017 UBND phường Q đã tổ chức lấy ý kiến của nhân dân trong phường về nguồn gốc thửa đất số 502 tờ bản đồ số 02 (đo vẽ năm 1994), hiện tại bà T, bà X đang sử dụng. Kết quả: 11/12 ý kiến xác nhận nguồn gốc là của ông Khệnh bà Nhỡn để lại, có 01 ý kiến xác nhận không nắm rõ nguồn gốc.

[2.5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương, kết quả như sau: Tại thời điểm năm 1964, khi gia đình cụ Thăn đi tái định cư có bán lại 01 ngôi nhà trên toàn bộ diện tích đất tại thửa số 327 tờ bản đồ số 2 lập năm 1983 (nay là thửa đất số 502 tờ bản đồ số 02 đo vẽ năm 1994) lúc này bố mẹ bà X và bà T là cụ V và cụ N đang còn khỏe mạnh, lúc này cụ V là đội phó xã Q, và lúc này bà T mới chỉ 16 tuổi chưa lập gia đình. Bà Lê Thị Sơn, Ông Nguyễn Xuân Nhâm, Bà Đỗ Thị Hách, Bà Đỗ Thị Tuyến người cao tuổi ở gần nhà cụ V, Nhởn đều khai: khoảng 1963-1964 cụ V, cụ N được Hợp tác xã giao đất ở xóm 2 V1, nay là phố 2 V1 (các ông bà không biết có việc mua bán với ông Thăn hay không); còn nhà đất tại V1 3 (diện tích nhỏ khoảng 3 thước) đã bán cho ông Liệp, bà Tuyển và các ông bà không biết giá bán lúc đó, thời điểm mua bán bà T, bà X đều đang còn nhỏ. Sau khi mua đất nhà ông Thăn, 2 cụ và bà T cùng chuyển đến ở.

Việc bà T khai sau khi bà vay tiền, mua đất của ông Thăn đã sửa sang nhà cửa rồi mới đón cụ V cụ Nhởn về ở là không có căn cứ bởi lúc này bà T mới chỉ 16 tuổi.

[2.6] Lời trình bày của các nhân chứng:

- Các ông Đỗ Khắc Thưởng sinh năm 1947 (nguyên Thường trực UBND xã Q thời kỳ 1964); ông Lê Đình Toản sinh năm 1946 (hàng xóm nhà ông Khệnh, bà Nhởn); bà Lê Thị Liên sinh năm 1949 (cháu bà Nhởn) đều khẳng định:

"Giai đoạn năm 1966 - 1967 nhà ông Lê V, bà Lê Thị Nhởn ở xóm 2, V1, xã Q, thị xã Thanh Hoá có căn nhà ngói 4 gian. Ông Khệnh lúc này làm đội trưởng đội sản xuất đội 2, xóm Trại V1 Q. Thời kỳ này, UBND xã không có trụ sở làm việc đã mượn của ông bà Khệnh Nhởn nơi ở của ông bà làm trụ sở giao dịch làm việc của chính quyền. Thời gian mượn từ năm 1967 đến 1972 ông Khệnh mất. Năm 1973 UBND xã liên hệ mượn được nhà ông Tuyển cùng xóm nên chuyển nơi làm việc đến nhà ông Tuyển".

- Tại Giấy xác nhận của bà Phạm Thị Lược sinh năm 1946 ở thôn Đoàn Trung, xã Thanh lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa là vợ ông Phạm Văn Thấu, bà trình bày: *"Trong thời gian còn sống Chồng tôi - ông Thấu và bố Chồng tôi ông Thăn (tên thường gọi là ông Thấu) có nhiều lần nói với tôi. Nhà đất của gia đình ở cầu Trại, Q*

Thành phố Thanh Hoá bán cho O Thường. O Thường tên thật là gì tôi không biết. O Thường không phải là bà T đẻ ra anh P lên xin giấy tờ có chữ ký, chữ viết của ông Thấu chồng tôi đem đi giám định. Bố chồng tôi gọi mẹ đẻ ra chị Thường, chị Xuyên là O Thường. Tên bố chồng tôi tên là ông Thăn nhưng thường gọi là ông Thấu vì gọi theo tên con (tên chồng tôi – ông Thấu con trai cả)".

- Bà Lê Thị Quyên là em bà Nhởn, bà Đỗ Thị Hách là em dâu của ông Thăn cũng xác nhận: *"Ông Thăn bán đất có ông Khệnh, bà Nhởn. Hiện nay chị Xuyên, chị Thường đang ở trên mảnh đất của bố mẹ mua"*

[2.7] Về tính hợp pháp của "Giấy xác nhận ngày 29/11/2005"

Giấy xác nhận ngày 29/11/2005 của cụ Phạm Văn Thăn không phải là giao dịch dân sự hay hợp đồng dân sự về việc mua bán, chuyển nhượng nhà đất, do đó không phải là chứng cứ chứng minh có giao dịch chuyển nhượng đất giữa ông Thăn và bà T vào năm 1964.

Bên cạnh đó, "Giấy xác nhận" do ông Phạm H viết thay cho bố ông là cụ Phạm Văn Thăn, người đã cao tuổi và không biết chữ. Ông Hương tại đơn xin rút làm chứng cũng khẳng định:

"Về giấy xác nhận năm 2005 có nội dung bố tôi chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T là do bà T đến nói với bố tôi cần làm nhận tiền đến bù đất đai. Thời điểm đó bố tôi không biết chị em bà T, bà X tranh chấp đất đai bố mẹ để lại. Bà T chỉ nói viết để nhận tiền bồi thường đến bù đất đai. Nếu viết cho bà T để tranh chấp tôi không viết và chắc chắn bố tôi không đồng ý..."

Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Phạm H ngày 25/7/2024, ông Hương trình bày: *"Tôi không nhớ ai là người đánh máy Đơn xin rút làm chứng nhưng nội dung trong đơn là đúng với trình bày của tôi và chữ ký trong đơn đúng là chữ ký của tôi"*

Do đó, cụ Thăn xác nhận cho bà T để bà T làm thủ tục làm thủ tục đền bù theo đề nghị của bà T, không xác định việc chuyển nhượng đất năm 1964.

Mặt khác, nội dung trong giấy xác nhận có những mâu thuẫn khách quan: Năm 1964, bà T mới 16 tuổi, chưa kết hôn với ông Nguyễn Văn N nhưng trong giấy lại ghi *"bán cho ông bà Nguyễn Văn N, Lê Thị T",* nội dung này không đúng thực tế. Ngoài ra, trong giấy xác nhận có sửa từ "Thấu" thành "Thăn" theo trình bày của ông Hương là do ông viết nhầm tên anh trai cả của ông là "Thấu" sau sửa lại thành "Thăn" cho đúng với tên bố ông.

Đối với giấy xác nhận của ông Phạm Văn Thấu - con trai cụ Thăn (Bản sao chứng thực) có nội dung ghi: *"Vào năm 1964 gia đình ông có bán cho gia đình bà T toàn bộ diện tích đất với giá 140 đồng"*. Giấy xác nhận này đề ngày ngày 29/11/2005 (cùng ngày với ngày với giấy xác nhận do ông Phạm H viết trên - lúc cụ Thăn đang còn sống), nội dung xác nhận này được ông Thấu viết phục vụ cho việc làm thủ tục đền bù theo đề nghị của bà T như nội dung ông Thăn đã xác nhận cho bà T. Giấy xác nhận làm từ năm 2005 nhưng sau 07 năm, đến năm 2012 UBND xã Thanh Lâm mới xác nhận vào giấy xác nhận này với nội dung: *"Ông Thấu hiện đang cư trú tại xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân"* nên nội dung xác nhận này cũng không có cơ sở để khẳng định có giao dịch chuyển nhượng nhà đất giữa ông Thăn, ông Thấu với bà T.

Như vậy, giấy xác nhận của ông Thăn và ông Thấu ngày 29/11/2005 không đủ giá trị chứng minh để xác định thửa đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của bà Lê Thị T.

[2.8] Việc bà T xuất trình các giấy xác nhận vay tiền của ông Lê Hữu Xón 46 đồng, ông Lê Hữu Nài 54 đồng và bà Nguyễn Thị Nhâm 40 đồng để chứng minh việc mua đất cũng chưa đủ căn cứ để chứng minh bà mua đất và thửa đất là tài sản riêng của bà, bởi thời điểm đó bà T sống cùng cha mẹ, chưa có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, và không có chứng cứ chứng minh cụ V, cụ N giao tiền hoặc đồng ý cho bà tự mua đất. Ngoài ra, trong phần xác nhận cả hai ông Lê Hữu Nài, ông Nguyễn Hữu Són, đều không ghi rõ việc vay tiền để mua nhà. Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Hữu Nài và ông Lê Hữu Són đã chết, nên không làm rõ được tính xác thực của giấy xin xác nhận này. Ngoài ra trong giấy xác nhận này còn có ghi ý kiến của bà Khương Thị Hường xác nhận: *"Bà Lê Thị T đầu năm 1964 có mua nhà, đất của gia đình cụ Phạm Văn Thăn cùng đợt với bà Hường"* nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã trực tiếp lấy lời khai bà Khương Thị Hường khẳng định bà không biết cụ thể ai là người trực tiếp đứng ra mua và tiền mua nhà đất là của bà T hay bố mẹ bà T.

[2.9] Đối với vi bằng lập ngày 10/3/2020: Tại thời điểm lập vi bằng bà Nguyễn Thị Nhâm đã già yếu, nghe không rõ, phải có con gái bà Nhâm tham gia nghe và dịch và nói lại để lập vi bằng. Trong nội dung Vi bằng bà Nhâm không nhớ cho bà T vay 40 đồng hay 400 đồng. Thời điểm này bà không đủ tỉnh táo để xác nhận cho bà T vay cụ thể bao nhiêu tiền, mục đích để làm gì, bản thân bà cũng không nắm rõ được cá nhân bà T hay gia đình bà T (gồm cụ Kệnh và cụ N) mua nhà ông Thăn.

[3]Từ phân tích, đánh giá trên, có đủ cơ sở xác định toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp tại thửa số 327 tờ bản đồ số 02, lập năm 1983 (Nay là thửa đất số 502, tờ bản đồ số 02, đo vẽ năm 1994) và phần 03 lô đất mà bà X và bà T được bồi thường tái định cư là di sản thừa kế của cụ V và cụ N để lại, không có căn cứ xác định thửa đất trên là tài sản riêng của bà T.

[4] Xét nội dung yêu cầu chia thừa kế:

[4.1] Về thời hiệu chia thừa kế: Cụ V chết năm 1972, cụ Nhởn chết năm 1990 đều không để lại di chúc. Thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật được tính từ tháng 10/1990. Tháng 4/2020 bà X khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của 2 cụ để lại là đang còn trong thời hạn. Do đó vụ án được thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[4.2] Về hàng thừa kế: Cụ V và cụ Nhởn, sinh được 02 người con là bà Lê Thị X và bà Lê Thị T. Trước khi chết các cụ không để lại di chúc. Do đó bà Lê Thị X và bà Lê Thị T là những người ở hàng thừa kế thứ nhất, được quyền hưởng thừa kế di sản của bố, mẹ để lại theo quy định của pháp luật tại các Điều 610; 611; 612; 613; 614; 649; 650; 651 Bộ luật dân sự.

[4.3] Về di sản thừa kế: Xác định toàn bộ diện tích đất hiện gia đình bà Lê Thị X và gia đình bà Lê Thị T đang quản lý sử dụng tại thửa số 327 tờ bản đồ số 02, lập năm 1983 (Nay là thửa đất số 502, tờ bản đồ số 02, đo vẽ năm 1994) và phần giá trị tài sản bà Lê Thị T được bồi thường trong 02 lô đất tái định cư số 39; 51, tại MBQH 1484 thuộc phường Q, thành phố Thanh Hóa và phần giá trị tài sản bà Lê Thị X được bồi thường trong

01 lô đất tái định cư số 10 L1 tại MBQH 5226 thuộc phường Q, thành phố Thanh Hóa là di sản thừa kế của cụ V cụ Nhởn để lại.

Xác định tổng giá trị di sản thừa kế cụ V, cụ Nhởn để lại là 16.127.311.364đ đồng (Mười sáu tỉ một trăm hai bảy triệu ba trăm mười một ngàn ba trăm sáu tư đồng) gồm:

Phần di sản thừa kế, hiện nay bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn N cùng các con đang quản lý, sử dụng gồm:

- Diện tích đất tại thửa số 502, tờ bản đồ số 02, đo vẽ năm 1994, thuộc phường Q, thành phố Thanh Hóa (cũ) là 276m², có trị giá: 7.176.000.000đ, cụ thể:

+ Diện tích đất gia đình bà T, và gia đình anh H đang quản lý sử dụng là 110,6m² x 26.000.000đ/1m² = 2.875.600.000đ;

+ Diện tích đất gia đình anh P đang quản lý sử dụng: 60,4m² x 26.000.000đ/1m² = 1.570.400.000đ;

+ Diện tích đất gia đình chị Y đang quản lý sử dụng: 48m² x 26.000.000đ/1m² =1.248.000.000đ;

+ Diện tích đất gia đình anh R đang quản lý sử dụng: 57m² x 26.000.000đ/1m² =1.482.000.000 đ;

Phần giá trị tài sản bà Lê Thị T được nhận bồi thường trong 02 lô đất tái định cư số 39; 51, tại MBQH 1484 thuộc phường Q, thành phố Thanh Hóa là: 6.200.000.000đ (Trị giá 02 lô đất tái định cư hiên tại) x 98,4859% (phần trăm số tiền hộ bà T được bồi thường hỗ trợ GPMB so với giá trị 02 lô đất lúc nhận đất tái định cư) = 6.106.070.000đ. Phần gía trị còn lại của 02 lô đất này là 1,5154%, do gia đình bà T phải nộp thêm tiền, nên gia đình bà T có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật, chứ không phải di sản thừa kế.

Tổng trị giá di sản thừa kế mà hiện nay gia đình bà T đang quản lý, sử dụng là: 13.282.070.000đ (Mười ba tỉ hai trăm tám hai triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng).

Phần di sản thừa kế, hiện nay bà Lê Thị X cùng các con đang quản lý, sử dụng gồm:

- Diện tích đất bà Lê Thị X đang quản lý sử dụng tại thửa số 502, tờ bản đồ số 02, đo vẽ năm 1994 thuộc phường Q, thành phố Thanh Hóa (cũ) là: 48,1m² x 26.000.000đ/1m² = 1.250.600.000đ và phần giá trị tài sản bà Lê Thị X được nhận bồi thường trong 01 lô đất tái định cư số 10 L1 tại MBQH 5226 thuộc phường Q, thành phố Thanh Hóa (cũ) là: 3.246.010.000đ (Trị giá lô đất tái định cư hiện tại) x 49,1262 % = 1.594.641.364đ. Phần gía trị còn lại của lô đất này là 50,8738 % do gia đình bà X phải nộp thêm tiền, nên gia đình bà X có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật, chứ không phải di sản thừa kế.

Tổng giá trị di sản thừa kế hiện nay gia đình bà Lê Thị X đang quản lý, sử dụng là: 2.845.241.364đ (Hai tỉ tám trăm bốn lăm triệu hai trăm bốn mốt ngàn ba trăm sáu tư đồng).

** Về trích công sức:*

Bà T là người đã sống cùng với bố mẹ từ khi sinh ra cho đến khi bố mẹ qua đời, nên bà T có tham gia đóng góp công sức để tôn tạo diện tích đất thành mặt bằng đất như hiện nay nhiều hơn bà X. Mặt khác bà T cũng là con gái lớn trong nhà, tại thời điểm mua nhà đất năm 1964 bà T cũng đã tham gia lao động, đóng góp vào thu nhập chung cho gia đình, và bà T cũng là người đã thực hiện nghĩa vụ thuế đối với người sử dụng đất từ trước

đến nay. Còn bà X lớn lên, đi bộ đội, sau khi về phục viên vào năm 1977 thì bà lấy chồng tại tỉnh Thái Bình và về quê chồng ở, đến khoảng năm 1985 bà X mới trở về quê và sống trên một phần diện tích đất khoảng 110m² của bố mẹ từ đó cho đến nay. Do đó, có cơ sở khẳng định, bà Lê Thị T là người có công sức đóng góp trong việc tạo lập khối di sản của cụ V và cụ Nhởn, và công chăm sóc cụ V, cụ Nhởn cao hơn bà X, do đó, căn cứ Điều 658 BLDS 2015 và án lệ 05 xem xét trích công sức cho bà T, ông N bằng một kỷ phần thừa kế là phù hợp.

* *Về chia di sản thừa kế:*

Giá trị di sản thừa kế cụ V, cụ Nhởn để lại là 16.127.311.364đ chia đều cho 03 kỷ phần (02 kỷ phần thừa kế và 01 kỷ phần công sức) = 5.375.795.466đ/01 kỷ phần. Như vậy:

- Giá trị di sản thừa kế bà Lê Thị T được hưởng và được trích công sức là 5.375.795.466đ x 2 = 10.751.590.933đ; hiện gia đình bà T đang quản lý di sản trị giá 13.282.145.000đ (quá phần được trích, hưởng 2.530.554.066đ).

- Giá trị di sản thừa kế bà Lê Thị X được hưởng là 5.375.795.466đ; hiện tại bà X chỉ đang quản lý sử dụng giá trị di sản là 2.845.241.364đ, nên còn thiếu so với kỷ phần thừa kế được hưởng 2.530.554.066đ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà X đề nghị được chia di sản thừa kế bằng đất. Nhưng xét thấy hiện nay toàn bộ diện tích đất là di sản thừa kế mà bà T đang quản lý thì bà T đã chia cho các con làm nhà ở ổn định từ trước đến nay; còn 02 lô đất tái định cư hiện nay bà T cũng đã bán cho anh Đạt, chị Hương. Mặt khác hiện nay ngoài diện tích đất bà X đang có nhà ở tại thửa 502, tờ bản đồ số 02, đo vẽ năm 1994, tại phường Q, thành phố Thanh Hóa (cũ) thì bà X còn một lô đất tái định cư tại MBQH 5226 thuộc phường Q, thành phố Thanh Hóa (cũ). Nên xét thấy, không nhất thiết phải chia di sản thừa kế bằng đất cho bà X. Để tránh gây xáo trộn, làm ảnh hưởng cuộc sống sinh hoạt ổn định của các đương sự trong vụ án và để đảm bảo được quyền lợi của các đương sự buộc bà Lê Thị T phải giao lại cho bà Lê Thị X số tiền chênh lệch chia di sản thừa kế là 2.530.554.066đ.

[5] Từ những phân tích, nhận định trên xét thấy có cơ sở chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 859/QĐ-VKS-P9 ngày 14/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa và nội dung kháng cáo của bà Lê Thị X; không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T đối với Bản án số 18/2025/DS-ST ngày 16/09/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Thanh Hóa.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị X, Lê Thị T là người già nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** Khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, kháng cáo của bà Lê Thị X, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thanh Hóa.

*** Căn cứ:** Các Điều: 612; 613; 614; 649; 650; 651; Điều 658 Bộ luật dân sự. Điểm đ Khoản 1 Điều 179 Luật Đất đai. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHI4 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án.

*** Xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc *"Yêu cầu chia di sản thừa kế"*. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc *" Đòi lại tài sản"*.

- Xác định toàn bộ diện tích đất hiện gia đình bà Lê Thị X và gia đình bà Lê Thị T đang quản lý sử dụng tại thửa số 327 tờ bản đồ số 02, lập năm 1983 (Nay là thửa đất số 502, tờ bản đồ số 02, đo vẽ năm 1994) và 98,4859% phần giá trị 02 lô đất tái định cư số 39; 51, tại MBQH 1484 thuộc phường Q, thành phố Thanh Hóa và 49,1262 %, phần giá trị lô đất tái định cư số 10 L1 tại MBQH 5226 thuộc phường Q, thành phố Thanh Hóa là di sản thừa kế của cụ Lê V và cụ Lê Thị Nhởn để lại, có tổng trị giá là 16.127.311.364 đ (Mười sáu tỉ một trăm hai bảy triệu ba trăm mười một ngàn ba trăm sáu tư đồng).

+ Trích công sức chăm sóc cụ V, cụ Nhởn và công sức bảo quản di sản thừa kế cho bà Lê Thị T, ông N 5.375.795.466đ

+ Giá trị di sản thừa kế còn lại 10.751.590.933đ chia đều cho bà T và bà X, mỗi người được hưởng di sản trị giá 5.375.795.466đ

Bà T được chia, hưởng tổng cộng 10.751.590/933đ.

*** Cụ thể như sau:**

- Bà Lê Thị X được quyền sử dụng diện tích đất 48,1m^2 (Hiện đang quản lý sử dụng), tại thửa số 502, tờ bản đồ số 02, đo vẽ năm 1994 thuộc phường Q, thành phố Thanh Hóa và 01 lô đất tái định cư số 10 L1 tại MBQH 5226 thuộc phường Q, thành phố Thanh Hóa (trong đó có 49,1262 % giá trị lô đất là di sản thừa kế và 50,8738 % phần trị giá lô đất 10L1 mà bà Lê Thị X phải nộp thêm tiền khi nhận đất tái định cư).

- Bà Lê Thị T được quyền sử dụng diện tích đất 276m^2, tại thửa số 502, tờ bản đồ số 02, đo vẽ năm 1994, thuộc phường Q, thành phố Thanh Hóa mà hiện nay bà Lê Thị T , ông Nguyễn Văn N cùng các con đang quản lý sử dụng và 02 lô đất tái định cư số 39; 51, tại MBQH 1484 thuộc phường Q, thành phố Thanh Hóa (Trong đó có 98,4859% giá trị của 02 lô đất là di sản thừa kế và 1,5154%, phần trị giá lô đất 02 số 39; 51 mà bà Lê Thị T phải nộp thêm tiền khi nhận đất tái định cư).

- Buộc bà Lê Thị T phải giao lại tiền chênh lệch trị giá di sản thừa kế cho bà Lê Thị X là 2.530.554.000 đ (Hai tỉ năm trăm ba mươi triệu năm trăm năm mươi tư ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

*** Án phí:** Bà Lê Thị X và bà Lê Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND Khu vực 1-Thanh Hóa;
- Phòng THADS KV 1-Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Hùng